

BÀN VỀ VĂN HOÁ TƯ PHÁP

ĐỖ MINH CƯỜNG^(*)

Văn hoá tư pháp là phương thức hoạt động tư pháp của một dân tộc hay một cộng đồng với các thành tố chính là con người, thể chế và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nó... Các yếu tố và sản phẩm của văn hoá tư pháp đều có tính hợp lý, văn minh, tính ổn định và định hướng giá trị trong một thời kỳ lịch sử nhất định. Bài viết phân tích làm rõ nội hàm của khái niệm văn hoá tư pháp.

Văn hoá tư pháp không chỉ là một vấn đề mới mà còn là vấn đề rất rộng và phức tạp. Trong phạm vi bài viết này, mặc dù là người “ngoại đạo” với nghề luật, tôi vẫn xin được góp bàn để làm rõ thêm khái niệm này.

Khi nói về văn hoá tư pháp, văn hoá pháp lý (xem thêm 1, tr. 92; 2, tr.11-18) hay văn hoá của một lĩnh vực hoạt động-nghề nghiệp khác, người ta thường dùng khái niệm văn hoá theo nghĩa rộng nhất của từ này (xem 3, tr.17-18). Văn hoá-theo nghĩa rộng nhất- chỉ toàn bộ phương thức sống của con người cùng với tất cả những gì họ tạo nên trong quá trình hoạt động của mình, trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh có một định nghĩa về văn hoá viết từ năm 1943, đến nay vẫn còn nguyên giá trị và tính thời sự:

“Vì lẽ sinh tồn cũng như vì mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn

học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó là loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với những nhu cầu đời sống và đòi hỏi sự sinh tồn” (4, T.3, tr.443).

Như vậy, pháp luật nói riêng và tư pháp nói chung là một bộ phận của văn hoá loài người, văn hoá dân tộc. Nhưng nếu ta tách văn hoá tư pháp ra xem xét một cách độc lập thì sẽ thấy nó là một hệ thống đa diện gồm nhiều bộ phận, yếu tố hợp thành:

Cấu trúc chung: con người, văn bản pháp luật, tổ chức tư pháp, cơ sở vật chất-kỹ thuật của ngành.

Cấu trúc tổ chức: tổ chức (bộ máy) điều tra, tổ chức kiểm sát, tổ chức toà án,

^(*) TS. Viện Khoa học tổ chức, Ban tổ chức Trung ương

tổ chức luật sư, tổ chức đào tạo nghề...

Cấu trúc tầng bậc: cấp trung ương, cấp tỉnh thành và tương đương, cấp quận, huyện, cấp xã, phường.

Cấu trúc giá trị: nhận biết về mặt bản chất, bản sắc và so sánh giữa các mặt tốt-xấu, ưu điểm-khuyết điểm... cái riêng và cái chung - trong một hệ thống tư pháp.

ở tầm vi mô-văn hoá của một tổ chức tư pháp cụ thể - lại là sự tổng hợp của nhiều yếu tố cơ bản: văn hóa giao tiếp, cảnh quan, kiến trúc và trang bị công sở, quy trình làm việc và kỷ luật lao động, thói quen, tập quán, phong cách và chất lượng công tác, môi trường nhân văn, hoạt động văn nghệ, thể thao, niềm tin, hệ thống các giá trị, triết lý phát triển của tổ chức,... Tư pháp là một loại dịch vụ công mà Nhà nước phải trực tiếp quản lý và thực hiện để phục vụ nhân dân. Theo quan điểm của khoa học hành chính hiện đại thì người dân vừa là khách hàng vừa là người giám sát, đánh giá chất lượng của các tổ chức tư pháp.

Văn hoá gắn liền với giá trị. Nó định hướng cho con người vươn tới các giá trị cơ bản của loài người: chân-thiện-mỹ, tới những cái đúng, cái tốt đẹp. Nói đến chức năng văn hoá là phải nói đến *chức năng điều chỉnh xã hội* (5, tr.23-25) thông qua các chuẩn mực có vai trò định hướng.

Nhưng nếu cho rằng toàn bộ những yếu tố, sản phẩm (vật thể và phi vật thể) chưa đúng, chưa tốt đẹp (so với hiện nay) trong nền tư pháp của ta đều không thuộc về văn hoá tư pháp thì lại trái với quan điểm văn hoá đã bàn ở trên. Cũng như con người, ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm của họ, một nền văn hoá nào cũng có những điều tốt đẹp và chưa tốt đẹp, có cả những cái văn minh lẫn cái không văn

minh của nó. Mặt khác, văn hoá của cộng đồng không đồng nhất với văn hoá cá nhân; không phải bất cứ một hành vi giao tiếp hay sự sáng tạo của một cán bộ, công chức nào trong ngành đều thuộc về văn hoá tư pháp- văn hoá ngành.

Vậy những đặc điểm, tiêu chí nào để phân biệt những gì thuộc về một nền văn hoá tư pháp với những gì không phải hoặc chưa phải của nó? Theo chúng tôi, đó là:

1. Văn hoá tư pháp có tính lịch sử- tự nhiên

Văn hoá tư pháp được sinh ra “nhằm thích ứng với những nhu cầu đời sống và đòi hỏi sự sinh tồn” của cộng đồng người trong một bối cảnh lịch sử nhất định, với một điều kiện kinh tế, xã hội và văn hoá đặc thù của nó. *Tính lịch sử* không chỉ cho ta biết mọi thể chế và con người hoạt động tư pháp đều có ngày sinh, đều tồn tại một cách hữu hạn, mà còn là cơ sở để nhận biết những yếu tố và sản phẩm thực của một hệ thống văn hoá tư pháp. Mặc dù là sản phẩm của con người nhưng văn hoá tư pháp lại có *tính khách quan* đối với mỗi cá nhân chịu sự tác động và là chủ thể mang cái văn hoá ấy. Nói cách khác, muốn trở thành một sản phẩm của văn hoá tư pháp thì bản thân sản phẩm ấy (vật thể hoặc phi vật thể) phải trải qua sự thử thách của một thời gian nhất định. Vượt qua được thử thách thời gian có nghĩa là sản phẩm đó đã được cuộc sống chấp nhận thì nó sẽ tồn tại một cách tự nhiên, trở thành một nền nếp xã hội, thành một phần tất yếu của đời sống xã hội.

Tính tự nhiên của văn hoá tư pháp không chỉ là yếu tố khách quan mà còn là cơ chế tác động đặc thù của nó đối với các chủ thể và khách thể hoạt động tư pháp, tập trung vào hoạt động xét xử án. *Văn hoá điều chỉnh con người một cách tự*

nhiên theo cơ chế ngấm định và mặc nhiên, khiến cho mọi người tuân theo sự định hướng của nó- nên tảng là giá trị, chuẩn mực và thói quen của cộng đồng - một cách thanh thản và tự tin. Và khi đã trở thành văn hoá thì sản phẩm tư pháp đương nhiên có khả năng điều chỉnh, tổ chức và giáo dục cá nhân, cộng đồng rất sâu rộng.

So sánh sự khác biệt về cơ chế điều chỉnh xã hội giữa pháp luật (tính cưỡng chế, bắt buộc) với đạo đức (tính tự nguyện theo lương tâm và dư luận xã hội) người ta dễ đi đến một kết luận rằng đó là sự khác biệt về bản chất giữa pháp lý và văn hoá. Thực ra, pháp lý có thể trở thành văn hoá - văn hoá tư pháp - khi nó được cuộc sống và lịch sử chấp nhận. Ví dụ, việc đi bên phải đường xuất phát là một quy định của luật giao thông nay đã trở thành một thói quen tự nhiên của người Việt Nam. Nếu chúng ta đến các nước có quy định đi bên trái đường thì đương nhiên sẽ có các hành vi dễ nhầm lẫn, sai lệch và mất tự tin trên đường. Một ví dụ khác là việc thuê luật sư bảo vệ quyền lợi cho đương sự tại toà án đã trở thành thói quen ở các nước phát triển nhưng ở nước ta mới chỉ có một số người làm vậy.

V. I. Lenin đã từng cảnh báo rằng không thể dùng các sắc lệnh để thay đổi một nền văn hoá, nhưng trong thực tế Nhà nước có thể dùng quyền chế định của mình để thay đổi, xóa bỏ những yếu tố văn hóa tiêu cực, ví dụ như Chính phủ ta đã làm đối với tục lệ đốt pháo và một số tục lệ lạc hậu vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Những văn bản pháp lý nào được người dân và xã hội mong đợi, các cơ quan tư pháp làm tốt nhiệm vụ giáo dục và bảo vệ pháp luật của mình thì pháp luật đó trở thành một nhu cầu và lối sống

tự nhiên của con người, giống như cơm ăn và nước uống vậy. Điều kiện cơ bản để pháp luật trở thành văn hoá là nó phải bảo vệ được lợi ích của người dân và có nội dung, hình thức phù hợp với bản sắc văn hoá dân tộc.

2. Văn hoá tư pháp có tính hợp lý và tính văn minh

Chúng ta đều biết văn hoá có tính cộng đồng, là sản phẩm từ mối quan hệ giữa người này với người khác, giữa cá nhân và xã hội. Nhưng khái niệm *cộng đồng* trong văn hoá tư pháp dường như có đối tượng (ngoại diên) rộng lớn hơn nhiều lĩnh vực khác. Văn hoá kinh doanh chẳng hạn, có thể dùng để chỉ phương thức hoạt động kinh doanh của một địa phương hay một doanh nghiệp - một công ty - được định hướng từ một hệ thống các giá trị và chuẩn mực đặc thù của nó. Mặc dù chúng ta có thể dùng khái niệm văn hoá tư pháp để chỉ phương thức tổ chức và hoạt động tư pháp của một đơn vị, địa phương hay vùng miền với các phong tục, tập quán và thói quen đặc thù của họ, song không thể vì lẽ đó mà đi đến kết luận rằng mỗi nơi đều có một văn hoá tư pháp riêng. Thực tế không phải như vậy. Hoạt động tư pháp được điều chỉnh bằng hiến pháp và các bộ luật - những chuẩn mực chung của quốc gia, dân tộc; nó xung khắc với tình trạng cục bộ *lệ* cao hơn *luật*, *tình* cao hơn *lý*.

Đặc trưng của văn hoá tư pháp là có sự chung nhau về thể chế và chuẩn mực của các chủ thể, sự thống nhất của các cộng đồng về hoạt động tư pháp trong phạm vi một quốc gia vượt qua sự khác biệt về ngôn ngữ, tôn giáo và sắc tộc... Cơ sở của văn hoá tư pháp chính là tính hợp lý và tính văn minh của hệ thống pháp luật và thể chế. Chỉ những gì hợp lý mới được người dân chấp nhận và có thể tồn tại lâu dài trong cộng đồng. Những bộ

luật, thể chế dù đang tồn tại hợp pháp song nếu không hợp lý thì sớm muộn cũng bị người dân và các cộng đồng phê phán hoặc xa lánh và như vậy sẽ buộc phải sửa đổi để tồn tại lâu dài. Tính hợp lý trong văn hoá đã bao hàm sự *hợp tình*, nó phải tôn trọng, kế thừa các chuẩn mực - giá trị của văn hoá truyền thống, văn hoá các sắc tộc. Bởi vì các “thuần phong mỹ tục”, các giá trị đã tồn tại hàng trăm, hàng ngàn năm nay trong các cộng đồng đều có tính hợp lý của nó. Ví dụ, việc xét xử các tranh chấp dân sự trong cộng đồng các làng bản dựa vào *hương ước* ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, bằng vai trò của các *già làng và luật tục* ở Tây Nguyên v.v...

Pháp luật là sản phẩm của xã hội văn minh, là công cụ để quản lý xã hội, điều chỉnh cá nhân và cộng đồng có hiệu lực, hiệu quả nhất mà loài người phát minh ra từ trước tới nay.

Mặt khác, trình độ văn minh phát triển của mỗi xã hội lại được đo bằng mức độ hoàn thiện và hiệu quả về hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia.

Văn minh có ba thuộc tính cơ bản là (1) *tiên tiến* - chỉ trình độ phát triển cao, phù hợp với cái mới, (2) *tính quốc tế* và (3) dựa trên *khoa học-công nghệ hiện đại*. Hiện nay, tính văn minh trong văn hoá tư pháp đòi hỏi không chỉ các bộ luật quốc gia phải tương thích với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế mà còn đòi hỏi cả kiến trúc các phòng xử án phải thuận lợi với môi trường tranh tụng dân chủ, công bằng; đòi hỏi việc xử lý, bảo quản hồ sơ các vụ án phải có sự trợ giúp của công nghệ thông tin...

Trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và chủ động hội nhập kinh tế

quốc tế, tiêu chuẩn văn minh cần đứng trước tiêu chuẩn hợp lý trong nền văn hoá tư pháp của nước ta. Bởi vì, nếu chỉ nhấn mạnh sự tồn tại hợp lý của hệ thống tư pháp của ta thì không chỉ làm chậm quá trình cải cách, đổi mới pháp luật và thể chế mà còn dung dưỡng cho những thói quen luôn đòi hỏi sự ưu đãi và sự bảo hộ lợi ích cục bộ của nhiều ngành và địa phương. Chính cái tâm lý xã hội này đã tồn tại trong thời kỳ bao cấp nay vẫn là thứ rào cản vô hình đối với quá trình đổi mới ở nước ta.

Mặt khác, tính văn minh không loại trừ tính hợp lý trong văn hoá tư pháp. Chúng ta cần sự hợp lý trong việc bảo tồn, phát huy các sắc thái chính trị, văn hoá của dân tộc và trong cả việc thiết kế lộ trình cải cách tư pháp cho dù hợp với điều kiện của con người và đất nước Việt Nam. Khi xem phương thức hoạt động tư pháp ở phạm vi vi mô - ở một tỉnh, huyện hoặc toà án nào đó - ta sẽ thấy nhiều cái tồn tại hợp lý nhưng chưa văn minh đã trở thành yếu tố chủ đạo trong văn hoá tư pháp của họ thì đó cũng là điều dễ hiểu.

3. Văn hoá tư pháp có tính ổn định và khả năng truyền nối qua nhiều thế hệ

Những gì mà cộng đồng tạo nên, những sản phẩm (vật thể và phi vật thể) mà con người tạo ra khi đã trải qua thử thách một thời gian nhất định và được xã hội chấp nhận như một tất yếu- hợp lý thì đều trở thành văn hoá, bất kể nó là tốt hay xấu, tích cực hay tiêu cực đối với hiện nay. Và khi đã trở thành một bộ phận, yếu tố của nền văn hoá thì sự tồn tại của nó rất ổn định, có khả năng truyền nối- “di truyền xã hội”- qua nhiều thế hệ. Lenin nói sức mạnh của các phong tục, tập quán là một sức mạnh ghê gớm nhất

là nói đến mặt trái, mặt xấu của văn hoá truyền thống. Văn hoá, như ta đã biết, điều chỉnh cá nhân và cộng đồng một cách tự nhiên, mặc nhiên. Ai cũng biết những chuyện “lễ lạt” cấp trên, “lo lót” cho thầy trong thi cử, “bồi dưỡng” cho nhân viên y tế khi phải đến bệnh viện,... nói tóm lại là cái “văn hoá phong bì” hiện nay là hành vi sai trái, nhưng người ta vẫn làm, vẫn noi theo như một thứ phong tục, tập quán xã hội; không làm như vậy thì chẳng những khó được việc mà còn cảm thấy không yên tâm, sống không thanh thản. Ai cũng biết xã hội nào cũng có những thói quen, tập quán xấu song bỏ được chúng lại không dễ chút nào.

Liên quan tới văn hoá tư pháp, văn hoá xét xử là câu chuyện đã trở thành một thói quen - thành cái tệ - “xin ý kiến cấp uỷ” trong xử án.

Về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với xã hội nói chung, đối với các hoạt động tư pháp nói riêng, đã được khẳng định trong Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng:

“Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu

sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.

Theo đó, mọi cán bộ, đảng viên đều phải chịu sự điều chỉnh, chế định của Hiến pháp và pháp luật. Trong lĩnh vực tư pháp, nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi các thẩm phán phải xét xử một cách độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Từ thời kỳ Đổi mới đến nay Đảng ta không có một nghị quyết, chỉ thị hay quy định nào về việc xét xử một vụ án phải xin ý kiến cấp uỷ để tuyên án. Thế nhưng trong thực tế, không ít nơi đã hình thành thói quen các cơ quan tư pháp cùng bàn bạc, thống nhất với nhau rồi xin ý kiến thường vụ hay bí thư cấp uỷ, hình thành nên cái gọi là “án bỏ túi” đã nhiều lần bị công luận phê phán.

Cách làm án như vậy có thể là hợp lý trong hoàn cảnh chiến tranh và thời kỳ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp nay đã trở thành bất hợp lý và sai trái song vẫn còn tồn tại như một di sản của quá khứ, trở thành cái tệ đối với xã hội hiện nay. Tệ nạn này rất cần phải xoá bỏ song lại không thể làm được trong ngày một, ngày hai.

Ví dụ trên là một minh chứng về tính rất ổn định và bảo thủ của văn hoá tư pháp. Từ phương diện triết học thì văn hoá thuộc về ý thức xã hội, nó thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội đã sinh ra nó. Khi xã hội cũ bị thay thế bằng một xã hội mới thì nhiều yếu tố, sản phẩm của nền văn hoá cũ vẫn được tiếp tục di tồn trong xã hội mới thêm nhiều chục, thậm chí hàng trăm năm nữa. Văn hoá tư pháp cũng không phải là trường hợp cá biệt nằm ngoài quy luật này.

4. Văn hoá tư pháp có tính định hướng giá trị

Ở đâu hoạt động tư pháp đã đi vào thế ổn định, hình thành nên các thói quen, nề nếp, thì cũng có nghĩa là ở đó đã có văn hoá tư pháp của họ. Nhưng văn hoá tư pháp ấy như thế nào, có tiên tiến - văn minh, có bản sắc tốt đẹp hay không, có bền vững lâu dài không, thì lại là câu chuyện khác, cần có sự khảo cứu toàn diện và sâu sắc^(*).

Mặc dù ở đâu đó còn tồn tại những hệ thống văn hoá tư pháp chưa hoàn thiện, kém văn minh hoặc nhạt nhòa bản sắc, song về bản chất chung, văn hoá tư pháp luôn có định hướng giá trị.

Giá trị, hiểu một cách cơ bản, là những cái đúng, cái tốt, cái đẹp và cái có lợi cho đời sống của con người và sự phát triển của xã hội. Định hướng giá trị của văn hoá tư pháp là sự hướng dẫn, tạo điều kiện cho các cá nhân và cộng đồng tồn tại và phát triển toàn diện trên cơ sở tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật. Mặt khác, văn hoá tư pháp cũng định hướng cho việc ban hành, thực thi pháp luật và kiểm sát đạt tới sự hoàn thiện, giá trị, thông qua việc đào tạo, phát triển một đội ngũ cán bộ, nhân viên tư pháp có đủ đức - tài.

Mục đích chính của văn hoá tư pháp là xây dựng một xã hội có nền tư pháp văn minh, phát triển, còn chức năng chính của văn hoá tư pháp là việc *văn hoá hoá* lĩnh vực tư pháp, trọng tâm là công việc xét xử án của nhà nước.

Văn hoá tư pháp định hướng giá trị cho con người và xã hội thông qua việc thực hiện các chức năng văn hoá của nó.

(*) Trong lĩnh vực kinh doanh đã có những công ty chuyên làm công việc khảo sát, đánh giá về mức độ phát triển của văn hoá doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp cụ thể.

Văn hoá tư pháp định hướng giá trị bằng con đường đặc thù của văn hoá với nhiều cung bậc, cách thức khác nhau: lan truyền tâm lý, qua vai trò của khoa học, đạo đức, tư tưởng, nghệ thuật, thông qua tấm gương của cha mẹ, thầy cô, người lãnh đạo, người đi trước v.v... Nhìn chung, hình thức tác động, định hướng của văn hoá tư pháp diễn ra một cách tự nhiên, trực tiếp, theo kiểu “mưa dầm thấm sâu”, rất rộng lớn, sâu sắc và bền vững. Đó là các chức năng *giáo dục, truyền bá, tăng cường giao tiếp, điều chỉnh, tổ chức và duy trì mọi hoạt động tư pháp theo pháp luật, hướng tới các chuẩn mực chân-thiện-mỹ*, tạo ra một phương thức sinh hoạt ngày càng tốt đẹp hơn, vừa tiên tiến vừa đậm đà bản sắc dân tộc. Vì vậy, văn hoá tư pháp vừa là mục tiêu vừa là cơ sở và động lực để phát triển các tổ chức và ngành tư pháp một cách bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Xem: Alexxee SS. S. Pháp luật trong cuộc sống chúng ta. Đồng Anh Quang dịch, Nguyễn Đình Lộc hiệu đính. H.: Pháp lý, 1986.
2. Xem: Phan Hữu Thư. Bàn về văn hoá tư pháp và văn hoá xét xử, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 12/2004.
3. Đỗ Minh Cường. Văn hoá kinh doanh và triết lý kinh doanh. H.: Chính trị quốc gia.- 2001.
4. Hồ Chí Minh. Toàn tập. T. 3. H.: Chính trị quốc gia, 1995.
5. Trần Ngọc Thêm. Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam. Tp. Hồ Chí Minh, 1997.
6. <http://cpv.org.vn/vankien/>